

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
VỰC 3 - KHÁNH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM KHU
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2025
V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ An

Ông Huỳnh Văn Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hà Quyên - Thư ký Tòa án nhân Khu vực 3

- Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Nguyên Huy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-DS ngày 28/3/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 05/2025/DSST-QĐ ngày 24/4/2025; Thông báo về việc xét xử vụ án ngày 20/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị R, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa (nay là tổ dân phố Đ, xã D, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D, Khánh Hòa (nay là thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa). Giấy ủy quyền ngày 20/7/2021. Bà R có mặt; ông Đ vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Võ C, sinh năm 1951

Địa chỉ: I, đường N, phường P, thành phố N, Khánh Hòa (nay là 9B, đường N, phường N, tỉnh Khánh Hòa).

Ông C có yêu cầu phản tố, ông C có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ K, sinh năm 1952; địa chỉ: 3, L, phường N, thành phố N, Khánh Hòa (nay là 3 L, phường T, tỉnh Khánh Hòa). Ông K có yêu cầu độc lập, ông K có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn C1, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện D, Khánh Hòa (nay là thôn B, xã D, tỉnh Khánh Hòa). Ông C1 có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Võ Duy T, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa (nay là tổ dân phố P, xã D, tỉnh Khánh Hòa). Ông T có mặt.

+ Bà Lê Thị M, sinh năm 1937; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện D, Khánh Hòa (nay là thôn B, xã D, tỉnh Khánh Hòa). Bà M đã chết ngày 17/02/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 15/6/2021, đơn bổ sung đơn khởi kiện nộp ngày 07/7/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị R trình bày:

Cha mẹ của bà R là ông Võ C2, sinh năm 1927, mất năm 2002 và bà Nguyễn Thị M1 (M2), sinh năm 1928, mất năm 2016, có 04 người con là Võ Thị R, Võ C, Võ K, Võ Văn C1; không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng.

Tài sản cha mẹ tạo lập gồm: Nhà và giếng nước, nằm trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 5 tại thị trấn D, huyện D; được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số H03237 ngày 22/6/2009 cho bà Nguyễn Thị M2 và ông Võ C2 (chết); ngày 20/6/2011, Ủy ban nhân dân thị trấn D xác nhận bà Nguyễn Thị M1 và bà Nguyễn Thị M2 là một người.

Nguồn gốc khối tài sản này là của ông Võ N và bà Nguyễn Thị T1 để lại từ năm 1950. Ông N và bà T1 là cha mẹ ruột của ông Võ Chắt. Năm 1989, ông Võ C2 có đi đăng ký sổ bộ ruộng đất tại Ủy ban nhân dân thị trấn D. Đến năm 2006, bà M1 mới đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì tài sản này bên phía nội cho vợ chồng nên là tài sản chung của vợ chồng bà M1. Khi bà M1 kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn ghi tên chồng ông Võ C2 nên trong giấy chứng nhận vẫn có tên ông Võ C2 (đã chết). Bà xác nhận đây là tài sản chung của ông C2 và bà M1.

Ông C2 chết không để lại di chúc, ngày 20/6/2003 mẹ và các anh em trong gia đình lập biên bản cuộc họp giao phần đất trên cho bà quản lý. Đến ngày 01/12/2009, bà M1 lập di chúc để lại $\frac{1}{2}$ tài sản của bà M1 trong khối tài sản chung của vợ chồng bà M1 và kỷ phần thừa kế của bà được hưởng từ ông C2 để lại cho bà, di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn D. Tuy nhiên, khi bà yêu cầu ông Võ C giao phần tài sản bà được nhận theo di chúc thì ông C không đồng ý, ông cho rằng ông là con cả nên tài sản của cha mẹ là do ông quyết định. Do nhiều lần thương lượng không được nên bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật đối với toàn bộ di sản của ông C2, bà M1 để lại gồm: Nhà, đất trên thửa số 08, tờ bản đồ số 5 thị trấn D, huyện D theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03237 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 22/6/2009 cho bà Nguyễn Thị M2 và ông Võ C2 (chết).

Bà ở với cha mẹ cho đến khi lập gia đình thì ra ở riêng, nay trên thửa đất tranh chấp có một người đang sinh sống nhưng bà không biết chính xác là ai.

Các tài sản trên đất gồm: Nhà cấp 4, móng đá nền gạch hoa, xi măng, tường xây gạch, cửa gỗ, mái ngói nhà sơn nước, giếng xây gạch do cha mẹ xây cất từ trước, giữ nguyên không có gì thay đổi, 01 mái che cột gạch kèo gỗ, mái che tôn,

nền xi măng, cổng trụ xây gạch, mái che nền đất, cột kèo sắt, lợp mái tôn là của ông Võ Cư .1 Sân lát xi măng như hiện trạng là 04 anh em cùng góp tiền làm. Hàng rào móng đá trụ bê tông cốt thép, trụ sắt, lưới B40, kẽm gai: giáp nhà thờ là của nhà thờ, giáp đường đi do ông C làm, sau nhà không có hàng rào, còn lại do bà làm.

Cây trồng trên đất: 02 cây mai , 01 cây cau cảnh , 02 cây dừa xiêm, 01 cây xoài ghép, bưởi 02 cây, mít 01 cây. 01 cây xoài và 01 cây bưởi lớn là của bà, còn lại ông C trồng. Đối với phần nhà thì bà có nguyện vọng nhận phần đất có nhà, còn các tài sản khác bà không có yêu cầu gì, nếu bà nhận phần có các tài sản trên đất thì bà đồng ý thanh toán lại giá trị cho những người khác. Đối với phần trình bày của ông C về việc trả tiền thuê người chăm sóc mẹ thì bà không có ý kiến. Đối với yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thì bà không đồng ý.

- *Tại đơn yêu cầu phản tố nộp ngày 22/7/2023, tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ C trình bày:*

Ông không đồng ý chia thừa kế theo di chúc, ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ tài sản của cha mẹ để lại thành 04 phần cho 04 anh em.

Nguồn gốc thừa đất số 08, tờ bản đồ số 5, thị trấn D, huyện D do ông bà nội là ông Võ N và bà Nguyễn Thị Tam C3 để lại cho cha mẹ ông là ông Võ C2 và bà Nguyễn Thị M1. Ông Võ C2 chết năm 2002 không để lại di chúc, bà Nguyễn Thị M1 chết năm 2016. Cha mẹ ông có 04 người con là ông, bà Võ Thị R, ông Võ K và ông Võ Văn C1. Cha mẹ ông không có cha mẹ nuôi, con nuôi và con riêng. Ông xác định di sản yêu cầu chia thừa kế là tài sản chung của cha mẹ ông.

Trên thừa đất chia thừa kế có căn nhà cấp 4, giếng nước, các cây ăn trái và công trình phụ. Các anh em sau khi lập gia đình thì không sinh sống ở đây vì đều có nhà riêng. Lúc còn sống mẹ ông sống 01 mình, sau này bà bệnh nên ông thuê bà Lê Thị M chăm sóc từ năm 2003 đến năm 2016. Khi mẹ mất, các anh em cùng nhau về đám giỗ. Năm 2021, sau khi bà R khởi kiện vì thấy nhà bỏ trống, không có người trông coi nên ông có cho cháu Võ Duy T ở để coi nhà. Ông T không liên quan gì đến tài sản trên nhà đất đang tranh chấp.

Các công trình, cây trồng trên đất như bà R trình bày, ông không có yêu cầu gì, nếu ông nhận phần có các tài sản trên đất thì ông đồng ý thanh toán lại giá trị cho những người khác.

Ông không đồng ý chia thừa kế theo di chúc vì di chúc bà R nộp thể hiện việc tẩy xóa tên bà M2 và bà M2 không biết chữ nhưng khi lập di chúc không có người làm chứng nên di chúc không hợp pháp, ông chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật thành 04 phần, mỗi người 01 phần, ông nhận hiện vật.

- *Tại đơn yêu cầu độc lập nộp ngày 09/12/2022, các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án ông Võ K trình bày:* Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông giữ nguyên yêu cầu độc lập, thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông Võ C, không đồng ý chia thừa kế theo di chúc, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Các tài sản trên đất ngoài của ba mẹ để lại như ông C, bà R trình bày, chỉ có sân là 04 anh em cùng làm, ngoài ra không có tài sản gì của ông. Ông có nguyện vọng nhận thừa kế bằng hiện vật là đất, không nhận giá trị, nếu phần ông nhận có tài sản của ai thì ông thanh toán lại giá trị cho người đó, ông không yêu cầu giá trị phần nhà và sân.

- *Tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C1 trình bày:* Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà R, thống nhất toàn bộ yêu cầu của ông C và ông K.

Các tài sản trên đất ngoài của ba mẹ để lại như bà R, ông C, ông K trình bày, chỉ có sân là 04 anh em cùng làm, ngoài ra không có tài sản gì của ông. Ông có nguyện vọng nhận thừa kế bằng hiện vật là đất, không nhận giá trị, nếu phần ông nhận có tài sản của ai thì ông thanh toán lại giá trị cho người đó, ông không yêu cầu giá trị phần nhà và sân.

- *Tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng ông Võ Duy T trình bày:* Ông đang ở trên nhà và đất đang tranh chấp chia thừa kế giữa bà Võ Thị R với ông Võ Cư .1 Ông chỉ ở nhờ, toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp không có tài sản gì của ông, ông không liên quan gì đến vụ án và ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Quá trình sinh sống ông không thấy bà M1 đọc sách hay ghi chép gì.

- *Tại các bản tự khai, bản vi bằng lập ngày 06/12/2023 người làm chứng bà Lê Thị M trình bày:* Bà có trực tiếp nuôi bà Nguyễn Thị M1 từ năm 2003 đến năm 2016, bà Miễn là mẹ của bà R, ông C, ông K và ông C1, chi phí sinh hoạt do ông C đưa cho bà cụ thể: 02 năm đầu 200.000đ/tháng, 05 năm tiếp theo 500.000 đồng/tháng, 06 năm tiếp theo 700.000 đồng/tháng, năm cuối cùng 1.000.000 đồng/tháng. Ông C1 và ông K thì thoảng cũng có cho bà ít tiền. Bà R có mang cơm đến thăm bà M1 từ năm 2003 đến năm 2012 thì bỏ cho các anh trai nuôi mẹ. Quá trình chăm sóc bà biết bà M1 không biết chữ, không đọc sách hay viết gì, chỉ nghe kinh.

- *Phần trình bày tại phiên tòa:*

Bà Võ Thị R trình bày: Bà rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật đối với vụ án dân sự thụ lý số: 83/2021/DSST ngày 09/7/2021. Bà không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Võ C và ông Võ Khước V ông C là người đi cùng bà đến Ủy ban thị trấn để mẹ bà lập di chúc và di chúc có đóng dấu của Ủy ban nhân dân thị trấn D nên bà vẫn có ý kiến là chia thừa kế cho bà một nửa tài sản mà bà M1 để lại cho bà, một nửa tài sản còn lại, trong đó có 01 phần của bà M1 thì bà giao cho các anh em. Bà có nguyện vọng nhận hiện vật là phần đất không có căn nhà. Bà nhận giá trị nhà, các tài sản khác của bà như hàng rào, cây trồng nếu ai nhận thì bà giao, không yêu cầu thanh toán giá trị.

Ông Võ C trình bày: Bà R rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, ông không có ý kiến gì. Ông giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu chia thừa kế toàn bộ nhà và đất có diện tích theo đo vẽ thực tế là 905,7m² tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 5 thuộc

tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa và giếng nước trên đất. Các tài sản khác ông không yêu cầu. Ông có nguyện vọng nhận hiện vật là phần đất có nhà.

Ông Võ K trình bày: Ông không có ý kiến gì về việc bà R rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, ông giữ nguyên yêu cầu độc lập: Thống nhất với yêu cầu của ông Võ C và có nguyện vọng nhận hiện vật, phần đất không có nhà. Nhà và các tài sản khác trên đất, ông không có yêu cầu gì.

Ông Võ Văn C1 trình bày: Ông không có ý kiến gì về việc bà R rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, ông thống nhất với yêu cầu của ông Võ C và ông Võ K và có nguyện vọng xin nhận hiện vật, phần đất không có nhà. Nhà và các tài sản khác ông không yêu cầu gì.

Các đương sự không có ý kiến gì đối với biên bản định giá tài sản, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ cùng ngày 09/5/2025; thống nhất các biên bản, không yêu cầu đo vẽ thẩm định, định giá lại; không có ý kiến gì đối với các mảnh trích đo địa chính và sơ đồ mặt bằng xây dựng trên thửa đất số 08, tờ bản đồ số 5 thị trấn D.

Về án phí: Các đương sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng: Ông Võ C, ông Võ K, ông Võ C1 đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, bà R tự nguyện nộp 10.227.000 đồng.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, còn kéo dài thời hạn giải quyết vụ án là vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục không để xảy ra tình trạng này.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị R. Đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ C và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ K; thay đổi địa vị tố tụng, nguyên đơn thành bị đơn và ngược lại. Chia di sản của ông Võ C2 và bà Nguyễn Thị M1 để lại là nhà đất thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 5 tại tổ dân phố P và tài sản khác trên đất cho 04 anh chị em gồm bà R, ông C, ông K và ông C1. Ông C là con trưởng và có nguyện vọng nhận phần đất có nhà để thờ cúng, các anh em khác có nguyện vọng nhận phần đất còn lại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; ai nhận phần tài sản có giá trị lớn thì hoàn lại giá trị theo giá thị trường cho người nhận tài sản có giá trị thấp hơn. Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án và áp dụng pháp luật:

Bà Võ Thị R có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, chia thừa kế theo pháp luật và đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Ông Võ C có đơn yêu cầu phản tố, ông Võ K có đơn yêu cầu độc lập cùng khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật. Áp dụng Điều 26, Điều 244, Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, các giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực (01/01/2017) thì áp dụng pháp luật tại thời điểm giao dịch được xác lập, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Đối với các tranh chấp phát sinh sau thời điểm đó, việc giải quyết được thực hiện theo Bộ luật Dân sự năm 2015. Di chúc do bà Nguyễn Thị M1 lập ngày 01/12/2009, thời điểm này Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực; do đó, việc xác định tính hợp pháp của di chúc phải căn cứ theo Điều 652 Bộ luật Dân sự 2005. Vụ kiện được khởi kiện năm 2021 và xét xử năm 2025, thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực; do đó, việc xác định hàng thừa kế và chia di sản thừa kế phải căn cứ theo các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Ông Võ C2 chết năm 2002, bà Nguyễn Thị M1 (Miễn) chết năm 2016. Năm 2021, nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế đối với tài sản của ông C2 và bà M1 để lại. Căn cứ khoản 2 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản của ông C2, bà M1 cho các đồng thừa kế vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về xác định di sản:

Nhà và đất có diện tích 929,8m², theo đo thực tế diện tích 905,7m² (trong đó 500m² là đất ở đô thị, 405,7m² là đất cây lâu năm), tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 5 thuộc tổ dân phố P, xã D, tỉnh Khánh Hòa, có nguồn gốc từ của ông Võ N và bà Nguyễn Thị T1 để lại, không có giấy tờ. Năm 1986, ông Võ C2 đăng ký sổ bộ R1. Năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H03237 ngày 22/6/2009 mang tên bà Nguyễn Thị M2 và ông Võ C2 (chết). Hiện thửa đất vẫn đứng tên ông Võ C2 (chết) và bà Nguyễn Thị M2 (tức Nguyễn Thị M1). Các đương sự thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng ông C2 và bà M1, là di sản thừa kế.

[2.3] Về hàng thừa kế, tính hợp pháp của di chúc:

Cha mẹ của ông Võ C2 là ông Võ N và bà Nguyễn Thị T1, cha mẹ của bà Nguyễn Thị Miễn L ông Nguyễn N1 và bà Nguyễn Thị Q, đều đã chết. Ông C2 và bà M1 có 4 con chung là: Bà Võ Thị R, ông Võ C, ông Võ K và ông Võ Văn C1. Các bên đều xác nhận không còn ai khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 thì ông C, ông K, ông C1 và bà R là người thừa kế theo pháp luật của ông C2 và bà M1.

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự khác trình bày di chúc không hợp pháp nên không yêu cầu chia thừa kế theo di chúc. Hồ sơ có tài liệu bà R nộp là di chúc lập ngày 01/12/2009, có chứng thực của UBND thị trấn D, tuy

nhiên, người lập di chúc là bà M1 không biết chữ, chỉ lặn tay, không có người làm chứng nên Hội đồng xét xử xét: Tại giấy khai gia thú năm 1948 bà Nguyễn Thị M1 lặn tay, không có chữ ký; vi bằng số: 543/2023/VB-TPLKH ngày 06/12/2023, người làm chứng bà Lê Thị M xác nhận bà M1 không biết chữ; văn bản số: 664/UBND ngày 21/5/2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn D không xác định được tại thời điểm chứng thực di chúc bà M1 có biết chữ hay không và tại phiên tòa các đương sự đều xác nhận bà M1 không biết chữ nên di chúc không hợp pháp theo Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005. Ngoài di chúc này ra, không còn tài liệu khác nên di chúc không hợp pháp thì Tòa án chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp.

[2.4] Về việc chia thừa kế:

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật nhưng đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên xét đình chỉ yêu cầu này.

Bị đơn ông Võ Cư G nguyên yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Khước G1 nguyên yêu cầu độc lập nên căn cứ Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự, thay đổi địa vị tố tụng trong vụ án: Ông Võ C trở thành nguyên đơn, bà Võ Thị R trở thành bị đơn. Nguyên đơn và người liên quan yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo pháp luật là: Giếng nước, nhà và đất tại tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D (nay là xã D). Qua đo vẽ thì diện tích thực tế của thửa đất chia thừa kế là 905,7 m² (đất ở đô thị 500m²; đất cây lâu năm 405,7m²), nhỏ hơn so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 24,1m² (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích là 929,8m²). Tại văn bản ngày 14/8/2024, Ủy ban nhân dân thị trấn D xác định thửa đất 08, tờ bản đồ số 5 thị trấn D, từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không có tranh chấp về diện tích với các hộ liên kề, các đương sự cũng không có ý kiến gì về diện tích thực tế bị giảm. Do đó, Hội đồng xét xử xét giải quyết yêu cầu của các đương sự theo diện tích thực tế.

Vì di chúc không hợp pháp nên di sản của ông C2 và bà M1 sẽ được chia cho các hàng thừa kế theo pháp luật, di sản có thể chia bằng hiện vật, chia đất cho các đồng thừa kế nên xét chia bằng hiện vật và thanh toán giá trị chênh lệch cho các thừa kế là phù hợp. Tổng giá trị di sản của ông Võ C2 và bà Nguyễn Thị M1 để lại được xác định là: 6.614.630.948 đồng (gồm có giá trị: Căn nhà 310.286.103 đồng; quyền sử dụng đất 6.291.660.000 đồng, giếng nước 12.684.845 đồng) chia cho 4 người con, mỗi người được hưởng giá trị là 1.653.657.737 đồng.

Cụ thể giá trị di sản và các tài sản, công trình phụ, cây trồng trên đất theo kết quả định giá tài sản ngày 09/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản tại thời điểm xét xử như sau:

- Phần giá trị quyền sử dụng đất: Diện tích đo vẽ thực tế 905,7m² (trong đó đất ở nông thôn 500 m² x 9.500.000 đồng/m² = 4.750.000.000 đồng; đất cây lâu năm 405,7 m² x 3.800.000 đồng/m² = 1.541.660.000 đồng) thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 5, có tổng giá trị 6.291.660.000 đồng.

- Phần giá trị căn nhà và các công trình xây dựng trên đất:

+ Nhà cấp 4 trên thửa đất số 08 tờ bản đồ số 05 có cấu trúc: móng đá, nền gạch hoa xi măng + xi măng, tường xây gạch 100 + 200, cửa gỗ, mái ngói, nhà sơn nước. Diện tích xây dựng là 99,52m², chất lượng còn lại: 70%. Đơn giá: 4.454.038 đồng/m². Thành tiền: 99,52m² x 4.454.038 đồng/m² x 70% = 310.286.103 đồng.

+ Mái che cột gạch, cột kèo gỗ, mái tole, nền xi măng. Diện tích: 60.9m², chất lượng còn lại: 70%. Đơn giá: 1.321.558 đồng/m². Thành tiền: 60.9m² x 1.321.558 đồng/m² x 70% = 56.338.018 đồng.

+ Sân lát xi măng: diện tích xây dựng: 72,28m², chất lượng còn lại: 70%. Đơn giá: 208.782 đồng/m². Thành tiền: 72,28m² x 208.782 đồng/m² x 70% = 10.563.534 đồng.

+ Cổng trụ xây gạch cánh sắt hình, diện tích xây dựng: 6,4 m², chất lượng còn lại: 45%. Đơn giá: 3.486.603 đồng/m². Thành tiền: 6,4 m² x 3.486.603 đồng/m² x 45% = 10.041.417 đồng.

+ Giếng xây gạch, đường kính 1,4m, sâu 8m, chất lượng còn lại: 80%. Đơn giá: 1.982.007 đồng/m sâu. Thành tiền: 8m x 1.982.007 đồng x 80% = 12.684.845 đồng.

+ Mái che, nền đất, cột kèo sắt, mái lợp tole, diện tích xây dựng: 25,8m², chất lượng còn lại 60%. Đơn giá 366.758 đồng/m². Thành tiền: 25,8m² x 366.758 đồng/m² x 60% = 5.677.414 đồng.

+ Hàng rào móng đá chẻ, trụ bê tông cốt thép + trụ sắt, lưới B40 + kẽm gai. Đơn giá 486.968 đồng/m, chất lượng còn lại: 70%.

- Cây trồng trên đất: Cây mai: 02 cây loại C, đơn giá: 132.000 đồng/cây. Thành tiền: 02 cây x 132.000 đồng/cây = 264.000 đồng. Cây cau cảnh: 01 cây loại C, đơn giá: 184.000 đồng/cây. Cây dừa xiêm: 02 cây loại C, đơn giá: 1.059.000 đồng/cây; thành tiền: 02 cây x 1.059.000 đồng/cây = 2.118.000 đồng. Cây mít: 01 cây loại C, đơn giá: 658.000 đồng/cây. Cây xoài ghép: 01 cây loại C, đơn giá: 1.500.000 đồng/cây. Cây bưởi: 01 cây (3 - 4 năm), đơn giá: 390.000 đồng/cây; 01 cây loại C, đơn giá: 566.000 đồng/cây.

Quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế xác nhận đều có nhà ở ổn định nhưng muốn nhận kỷ phần thừa kế là hiện vật. Ông K và ông C1, bà R yêu cầu được nhận phần đất không có căn nhà, ông K và ông C1 không yêu cầu giá trị căn nhà, giếng nước; ông C có nguyện vọng được nhận kỷ phần thừa kế có căn nhà để thờ cúng. Xét ý kiến, nguyện vọng của các đương sự, xét diện tích đất đủ để chia theo quy định của Luật đất đai, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh K, không vi phạm quy hoạch nên yêu cầu trên của các đương sự là phù hợp cần chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế. Vì không thể chia đều diện tích đất, tài sản trên đất nên các đương sự phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho nhau. Cụ thể xét chia như sau:

- Giao cho ông Võ Văn C1 diện tích đất: 129m² (gồm đất ở đô thị 125m², đất cây lâu năm 4m²) có tổng giá trị: 1.202.700.000 đồng (ký hiệu lô 1).

- Giao cho ông Võ C diện tích đất: 430,7m² (gồm đất ở đô thị 125m², đất cây lâu năm 305,7m²) có tổng giá trị là 2.349.160.000 đồng (ký hiệu lô 2).

- Giao cho ông Võ K diện tích đất: 172m² (gồm đất ở đô thị 125m², đất cây lâu năm 47m²) có tổng giá trị là 1.366.100.000 đồng (ký hiệu lô 3).

- Giao cho bà Võ Thị R diện tích đất: 174m² (gồm đất ở đô thị 125m², đất cây lâu năm 49m²) có tổng giá trị là 1.373.700.000 đồng (ký hiệu lô 4).

- Giao cho ông Võ C quản lý, sở hữu, sử dụng: Nhà cấp 4, móng đá, nền gạch hoa xi măng + xi măng, tường xây gạch 100 + 200, cửa gỗ, mái ngói, nhà sơn nước. Diện tích xây dựng là 99,52m². Có giá trị 310.286.103 đồng. Giếng xây gạch, có giá trị 12.684.845 đồng. Tổng cộng: 322.970.948 đồng : 4 = 80.742.737 đồng.

- Đối với các công trình khác và cây trồng nằm trên đất các đương sự thống nhất ai nhận kỷ phần có tài sản này trên đất thì được nhận, không ai yêu cầu thanh toán giá trị nên Hội đồng xét ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự:

+ Giao cho ông Võ C: Mái che cột gạch, cột kèo gỗ, mái tole, nền xi măng có diện tích: 60,9m². Tường rào móng đá chẻ, trụ bê tông cốt thép, trụ sắt lưới B40 + kẽm gai trên phần đất được nhận.

+ Giao cho bà Võ Thị R: Tường rào móng đá chẻ, trụ bê tông cốt thép, trụ sắt lưới B40 + kẽm gai trên phần đất được nhận; cổng trụ xây gạch cánh sắt hình, diện tích xây dựng: 6,4m²; mái che, nền đất, cột kèo sắt, mái lợp tole, diện tích xây dựng: 25,8m².

+ Giao cho ông C1: Tường rào móng đá chẻ, trụ bê tông cốt thép, trụ sắt lưới B40 + kẽm gai trên phần đất được nhận.

+ Giao cho ông K: Tường rào móng đá chẻ, trụ bê tông cốt thép, trụ sắt lưới B40 + kẽm gai trên phần đất được nhận.

Do phần đất ông C nhận có giá trị cao hơn phần được hưởng, nên ông C phải thanh toán cho 3 người còn lại là 776.245.000 đồng, cụ thể:

+ Ông C thanh toán cho ông K: 206.815.000 đồng.

+ Ông C thanh toán cho ông C1: 370.215.000 đồng.

+ Ông C thanh toán cho bà R: 199.215.000 đồng.

Do ông C nhận đất có phần nhà và giếng nước nên ông C thanh toán cho bà R giá trị : 80.742.737 đồng.

[2.5]. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá, đo vẽ tài sản: Tổng chi phí 19.327.000 đồng. Bà R tự nguyện nộp 10.227.000 đồng, còn lại là 9.100.000 đồng được chia đều cho ông C, ông K và ông C1, mỗi người phải đóng 3.033.333 đồng, phù hợp với quy định tại Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà R đã nộp đủ chi phí tố tụng. Ông C đã tạm ứng 9.100.000 đồng nên ông K và ông C1 phải hoàn lại cho ông C mỗi người 3.033.333 đồng.

[2.6]. Về án phí: Các đồng thừa kế của ông Võ C2 và bà Nguyễn Thị M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên giá trị được hưởng.

Tổng giá trị phân di sản của ông Võ C2 và bà Nguyễn Thị M1 để lại theo giá của Hội đồng định giá ngày 09/5/2025 là: 6.614.630.948 đồng (gồm: phần căn nhà 310.286.103 đồng; phần quyền sử dụng đất 6.291.660.000 đồng, giếng nước 12.684.845 đồng). Di sản được chia theo pháp luật cho 4 người con, mỗi người được hưởng phần giá trị là 1.653.657.737 đồng, nên mỗi người phải chịu án phí là: $1.653.657.737 \text{ đồng} \times 5\% = 82.682.887 \text{ đồng}$.

Bà Võ Thị R, ông Võ C và ông Võ K có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xét miễn án phí cho bà R, ông K và ông C là phù hợp. Ông C1 phải nộp 82.682.887 đồng.

Đối với các tài sản khác, các đương sự không yêu cầu, không phải di sản thừa kế do đó không có căn cứ để tính án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 165, Điều 244, Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 646, 652, 658 bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 611, 612, Điều 613, 623, 649, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị R về yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Võ C và yêu cầu độc lập của ông Võ K về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với khối tài sản chung của vợ chồng ông Võ C2 và bà Nguyễn Thị M1.

3. Xác định khối di sản để lại là: Quyền sử dụng đất 905,7m² (500m² đất ở đô thị và 405,7m² đất cây lâu năm) tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 5, thuộc tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D (nay là xã D), tỉnh Khánh Hòa và toàn bộ nhà, giếng nước trên đất. Tổng giá trị di sản: 6.614.630.948 đồng.

4. Chia di sản theo pháp luật cho 4 người con là: Ông Võ C, ông Võ K, ông Võ Văn C1, bà Võ Thị R. Mỗi người được hưởng giá trị: 1.653.657.737 đồng.

5. Chia di sản bằng hiện vật và nghĩa vụ thanh toán chênh lệch cụ thể như sau:

- Ông Võ Văn C1 nhận lô đất có diện tích 129m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo - ký hiệu lô 1).

- Ông Võ Cư N2 lô đất 430,7m² và nhà cấp 4, móng đá, nền gạch hoa xi măng + xi măng, tường xây gạch 100 + 200, cửa gỗ, mái ngói, nhà sơn nước. Diện tích xây dựng là 99,52m², cùng các công trình phụ có trên đất như: Sân lát xi măng; mái che tole, tường rào, giếng nước (có sơ đồ bản vẽ kèm theo - ký hiệu lô 2).

- Ông Võ Khước N3 lô đất có diện tích 172m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo - ký hiệu lô 3).

- Bà Võ Thị R nhận lô đất có diện tích 174m² và các công trình: cổng, mái che, hàng rào (có sơ đồ bản vẽ kèm theo - ký hiệu lô 4).

Ông Võ C có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch cho các ông, bà sau:

+ Thanh toán cho ông K: 206.815.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng);

+ Thanh toán cho ông C1: 370.215.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng);

+ Thanh toán cho bà R 279.957.737 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm ba bảy đồng).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần tài sản được nhận thừa kế theo quy định.

6. Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định, định giá tài sản: Ông Võ K và ông Võ Văn C1 mỗi người thanh toán lại cho ông Võ C số tiền 3.033.333 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba ba đồng).

7. Về án phí: Bà Võ Thị R, ông Võ C, ông Võ K được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Võ Văn C1 phải nộp 82.682.887 đồng (Tám mươi hai triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 3 - Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Thị Tuyết Sương

